

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: /TB-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH
02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Đơn vị được thẩm định: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ)

Mã chương: 426

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên;

Căn cứ báo cáo tổng hợp quyết toán ngân sách năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ) và biên bản thẩm định quyết toán ngày 26/6/2025 giữa Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ);

Căn cứ Công văn số 2298/STC-HCSN&CS ngày 17/6/2025 của Sở Tài chính về việc tiếp tục thực hiện kiến nghị của Sở Tài chính tại Thông báo số 65/TB-STC ngày 13/5/2025 thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024; Công văn số 3802/SNNMT-KHTC ngày 04/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp kết quả thực hiện theo kiến nghị của Thông báo số 65/TB-STC ngày 13/5/2025 và các tài liệu kèm theo;

Sở Tài chính thông báo thẩm định quyết toán ngân sách 02 tháng đầu năm 2025 (không bao gồm vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ), như sau:

A. Số liệu quyết toán toàn ngành

I. Thu phí, lệ phí

1. Tổng số thu trong 02 tháng đầu năm 2025:	8.902.992.862 đồng.
2. Số phải nộp ngân sách nhà nước:	3.571.794.862 đồng.
3. Số phí được để lại:	5.331.198.000 đồng.
- Chi trực tiếp cho hoạt động thu phí:	3.255.979.307 đồng.
- Chênh lệch thu chi:	2.075.218.693 đồng.
+ Trích dùng chi CCTL:	20.752.187 đồng.
+ Trích các Quỹ:	2.054.466.506 đồng.

(Trong đó: **Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp: 513.616.627 đồng, Quỹ bổ sung thu nhập: 1.335.403.229 đồng, Quỹ khen thưởng: 20.544.665 đồng và Quỹ phúc lợi: 184.901.985 đồng**)

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2a đính kèm)

II. Quyết toán chi ngân sách

1. Nguồn ngân sách nhà nước

1.1. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.744.000 đồng.

a) Dự toán năm trước chuyển sang: 3.744.000 đồng.

Trong đó:

+ Văn phòng Sở (Kinh phí khoán(13)-QLNN): 3.744.000 đồng.

b) Điều chỉnh giảm dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng.

1.2. Dự toán được giao trong năm: 47.831.200.000 đồng.

a) Dự toán giao đầu năm: 47.656.000.000 đồng.

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 5.000.000 đồng)

b) Dự toán giao bổ sung trong năm: 175.200.000 đồng.

c) Dự toán giảm trong năm: 0 đồng.

1.3. Kinh phí được phép sử dụng trong năm: 47.834.944.000 đồng.

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 5.000.000 đồng)

1.4. Kinh phí thực nhận: 2.494.689.301 đồng.

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 0 đồng)

1.5. Kinh phí quyết toán: 2.494.689.301 đồng.

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 0 đồng)

1.6. Kinh phí giảm trong năm: 45.340.254.699 đồng.

(Đã được UBND tỉnh quyết định tại Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2025, trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 5.000.000 đồng)

Trong đó:

a) Kinh phí nộp giảm chi hoàn trả ngân sách tỉnh năm 2025: 0 đồng.

b) Hủy số dư dự toán: 45.340.254.699 đồng.

(Trong đó: Nguồn cân đối ngân sách tỉnh: 45.335.254.699 đồng và Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 5.000.000 đồng).

Gồm:

- Kinh phí tự chủ, với tổng số tiền: 10.621.796.589 đồng – Nguồn cân đối ngân sách tỉnh. Cụ thể:

+ Văn phòng Sở (Chi QLNN): 8.712.380.519 đồng.

+ Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Tây Ninh: 1.909.416.070 đồng.
(Chi SN Kinh tế - SN Kinh tế khác)

- Kinh phí không tự chủ với tổng số tiền: 34.718.458.110 đồng
(Trong đó: Nguồn cân đối ngân sách tỉnh: 34.713.458.110 đồng và Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 5.000.000 đồng).

Cụ thể:

+ Văn phòng Sở: 23.060.020.330 đồng.

(Trong đó: Nguồn cân đối ngân sách tỉnh: 23.055.020.330 đồng (gồm: SN Môi trường: 5.688.638.020 đồng; SN kinh tế khác: 15.150.910.000 đồng và chi QLNN: 2.215.472.310 đồng); Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới: 5.000.000 đồng – chi QLNN)

+ Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Tây Ninh: 891.437.780 đồng.

(Nguồn cân đối ngân sách tỉnh: Chi sự nghiệp kinh tế - SN kinh tế khác, trong đó: Kinh phí tổ chức đấu giá: 749.437.780 đồng và Kinh phí khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 142.000.000 đồng)

+ Trung tâm Nước sạch và Môi trường (Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường cũ): 10.767.000.000 đồng.

(Nguồn cân đối ngân sách tỉnh – Kinh phí không giao quyền tự chủ, gồm: Chi sự nghiệp môi trường: 10.755.000.000 đồng và chi đảm bảo xã hội – Kinh phí thực hiện Kế hoạch Tắt nguyên đán Ất Tỵ: 12.000.000 đồng)

1.7. Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (dự toán còn dư ở Kho bạc): 0 đồng.

2. Nguồn phí được khấu trừ để lại:

a) Số dư năm trước chuyển sang: 1.909.797.782 đồng.

- Kinh phí hoạt động: 0 đồng.

- Kinh phí trích thực hiện CCTL: 1.909.797.782 đồng.

+ Văn phòng đăng ký đất đai: 1.909.797.782 đồng.

b) Số được để lại sử dụng trong năm: 5.331.198.000 đồng.

- Kinh phí hoạt động: 5.310.445.813 đồng.

+ Văn phòng đăng ký đất đai: 5.310.445.813 đồng.

- Kinh phí trích thực hiện CCTL: 20.752.187 đồng.

+ Văn phòng đăng ký đất đai: 20.752.187 đồng.

c) Kinh phí đề nghị quyết toán: 5.310.445.813 đồng.

- Kinh phí hoạt động: 5.310.445.813 đồng.

+ Văn phòng đăng ký đất đai: 5.310.445.813 đồng.

- Kinh phí trích thực hiện CCTL: 0 đồng.

+ Văn phòng đăng ký đất đai: 0 đồng.

e) Số dư kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau: 1.930.549.969 đồng.

- Kinh phí hoạt động: 0 đồng.

- Kinh phí trích thực hiện CCTL:	1.930.549.969 đồng.
+ Văn phòng đăng ký đất đai:	1.930.549.969 đồng.
3. Nguồn thu dịch vụ được để lại sử dụng (trích thực hiện CCTL):	
a) Số dư năm trước chuyển sang:	13.065.443.660 đồng.
<i>Văn phòng đăng ký đất đai:</i>	<i>11.636.553.725 đồng.</i>
<i>TTNS&MT (TT Quan trắc TN-MT cũ):</i>	<i>1.428.889.935 đồng.</i>
b) Số trích thực hiện CCTL trong năm:	36.735.263 đồng.
<i>Văn phòng đăng ký đất đai (1%):</i>	<i>36.735.263 đồng.</i>
<i>TTNS&MT (TT Quan trắc TN-MT cũ): (5%):</i>	<i>0 đồng.</i>
c) Số đã sử dụng đề nghị quyết toán:	1.128.933.982 đồng.
<i>Văn phòng đăng ký đất đai:</i>	<i>1.128.933.982 đồng.</i>
<i>TTNS&MT (TT Quan trắc TN-MT cũ):</i>	<i>0 đồng.</i>
d) Số dư chuyển sang năm sau:	11.973.244.941 đồng.
<i>Văn phòng đăng ký đất đai:</i>	<i>10.544.355.006 đồng.</i>
<i>TTNS&MT (TT Quan trắc TN-MT cũ):</i>	<i>1.428.889.935 đồng.</i>
<i>(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)</i>	

III. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

*** Thu hồi và nộp giảm chi năm 2024 hoàn trả ngân sách tỉnh, số tiền: 829.210.122 đồng, cụ thể:**

Trung tâm Nước sạch và Môi trường (Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường cũ) thực hiện thu hồi và nộp giảm chi ngân sách tỉnh năm 2024 - Kinh phí sự nghiệp môi trường (nguồn kinh phí không tự chủ) theo Thông báo số 1302/TB-STNMT ngày 27/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường với tổng số tiền là 829.210.122 đồng - Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ Vận hành trạm quan trắc tự động, cụ thể là nội dung “Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương nguồn kinh phí vận hành trạm” (gồm: 276.096.600 đồng lương quản lý trạm; 553.113.522 đồng lương vận hành trạm).

Trong năm 2025, Trung tâm Nước sạch và Môi trường (Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường cũ) đã thực hiện thu hồi hoàn trả ngân sách tỉnh với tổng số tiền 287.304.003 đồng, trong đó:

- Nộp giảm chi ngân sách tỉnh năm 2024 hoàn trả ngân sách tỉnh năm 2024 với tổng số tiền: 115.445.512 đồng, tại các chứng từ sau:

- + Chứng từ ngày 12/5/2025, số tiền 40.285.512 đồng;
- + Chứng từ ngày 14/5/2025, số tiền 21.225.000 đồng;
- + Chứng từ ngày 15/5/2025, số tiền 30.035.000 đồng;
- + Chứng từ ngày 04/6/2025, số tiền 21.400.000 đồng;
- + Chứng từ ngày 05/6/2025, số tiền 2.500.000 đồng;

- Nộp NSNN năm 2025, nội dung: Thu hồi các khoản chi năm trước (Tiểu mục 4902) hoàn trả ngân sách tỉnh với tổng số tiền: 171.858.491 đồng tại các chứng từ sau:

- + Chứng từ ngày 18/6/2025, số tiền 19.500.000 đồng;
- + Chứng từ ngày 18/6/2025, số tiền 29.929.892 đồng;
- + Chứng từ ngày 23/6/2025, số tiền 31.263.848 đồng;
- + Chứng từ ngày 26/6/2025, số tiền 56.690.064 đồng;
- + Chứng từ ngày 27/6/2025, số tiền 34.474.687 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69

ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC đính kèm)

IV. Thuyết minh số liệu quyết toán:

IV.1. Cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính:

Tại thời điểm quyết toán 02 tháng đầu năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ) được phân bổ 55 biên chế hành chính, 15 biên chế sự nghiệp và 06 chỉ tiêu HĐLĐ số 111/2022/NĐ-CP. Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm ngày 28/02/2025 là: 53 biên chế hành chính, 09 biên chế sự nghiệp kinh tế khác và 04 chỉ tiêu HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (gồm: 03 HĐLĐ khối quản lý hành chính và 01 HĐLĐ sự nghiệp kinh tế khác).

Đơn vị có 04 đơn vị trực thuộc gồm: Văn phòng Sở, Trung tâm phát triển quỹ đất, Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường, cụ thể:

- Văn phòng Sở là đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng NSNN trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, là đơn vị hành chính nhà nước thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ;

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở là các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế (sự nghiệp khác) và sự nghiệp môi trường giai đoạn 2023-2025 (giao quyền tự chủ tài chính theo Quyết định số 5480/QĐ-STNMT ngày 03/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường), gồm:

1. Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1).

+ *Mức tự đảm bảo chi thường xuyên 401%*

+ *Mức tự đảm bảo chi đầu tư là số dự kiến trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm 2023: 13.829,79 triệu đồng và số thu phí được để lại chi thường xuyên không giao tự chủ theo quy định.*

2. Trung tâm Nước sạch và Môi trường (Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường cũ) là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2). Mức tự đảm bảo chi thường xuyên 122%.

3. Trung tâm Phát triển Quỹ đất là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm chi thường xuyên 100% (đơn vị nhóm 4). Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn 2023-2025 của đơn vị với mức kinh phí là 1.509 triệu đồng (*Một tỷ, năm trăm lẻ chín triệu đồng*).

IV.2. Đánh giá tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi trong 02 tháng đầu năm 2025:

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán toàn ngành của đơn vị, Sở Tài chính thẩm định quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước giao, như sau:

1. Nguồn ngân sách nhà nước

Tổng dự toán NSNN được phép sử dụng: 47.834.944.000 đồng, tổng kinh phí đã sử dụng và quyết toán: 2.494.689.301 đồng, đạt 5,2% dự toán được giao, cụ thể:

*** Tổng dự toán NSNN được phép sử dụng: 47.834.944.000 đồng.**

Gồm:

a) Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.744.000 đồng.

- Dự toán năm trước chuyển sang: 3.744.000 đồng.

- Điều chỉnh giảm dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng.

b) Dự toán được giao trong năm: 47.831.200.000 đồng.

- Dự toán giao đầu năm: 47.656.000.000 đồng.

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 5.000.000 đồng)

- Dự toán giao bổ sung trong năm: 175.200.000 đồng.

- Dự toán giảm trong năm: 0 đồng.

*** Tổng kinh phí đã sử dụng và quyết toán: 2.494.689.301 đồng**

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 0 đồng)

- Quyết toán từ nguồn dự toán năm trước chuyển sang: 3.744.000 đồng.

- Quyết toán từ nguồn DT giao trong năm: 2.490.945.301 đồng.

(Trong đó: Nguồn NSTW BSCMT thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới là 0 đồng)

*** Kinh phí nộp giảm chi năm 2025 hoàn trả NST: 0 đồng.**

*** Số dư kinh phí chưa sử dụng được chuyển sang năm sau theo quy định (dự toán còn dư ở Kho bạc): 0 đồng.**

*** Kinh phí hủy trong năm: 45.340.254.699 đồng.**

(Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 điều chỉnh giảm dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường do sáp nhập, tổ chức lại)

Gồm:

- Nguồn NSTW: 5.000.000 đồng.

(Vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới (nguồn năm 2025) - chi QLNN).

- Nguồn NSDP: **45.335.254.699 đồng.**

Trong đó:

+ Sự nghiệp Kinh tế - sự nghiệp kinh tế khác: 17.951.763.850 đồng.

Cụ thể:

. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Tây Ninh: 2.800.853.850 đồng.

. Văn phòng Sở: 15.150.910.000 đồng.

+ Sự nghiệp Môi trường: 16.443.638.020 đồng.

Trong đó:

. Văn phòng Sở (L250-K278-nguồn12): 5.688.638.020 đồng.

(Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường: Kinh phí không tự chủ)

. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường: 10.755.000.000 đồng - Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường (gồm: Kinh phí đặt hàng thực hiện Kế hoạch Quan trắc thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh, số tiền: 3.200.000.000 đồng và Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao (Kinh phí không tự chủ): 7.555.000.000 đồng, trong đó: Mua sắm thiết bị, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa thiết bị, vật tư phục vụ vận hành các trạm quan trắc và trung tâm điều hành: 4.155.000.000 đồng và Kinh phí Vận hành trạm quan trắc tự động và Trung tâm điều hành ghi nhận dữ liệu: 3.400.000.000 đồng).

+ Sự nghiệp đảm bảo xã hội – Kinh phí không khoán (L370-K398-nguồn 12): 12.000.000 đồng – Kinh phí thực hiện Kế hoạch tết nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, do Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường không có nhu cầu sử dụng kinh phí.

+ Chi quản lý hành chính (QLNN), số tiền: 10.932.852.829 đồng (*Văn phòng Sở*), trong đó: Nguồn cân đối NST: 10.927.852.829 đồng và nguồn NSTW BSCMT dự toán năm 2025 – Kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới: 5.000.000 đồng.

2. Về thu phí, lệ phí:

Tổng số dự toán thu phí, lệ phí được giao: 55.910.000.000 đồng.

Tổng số phí, lệ phí thực hiện thu trong 02 tháng đầu năm: 8.902.992.862 đồng, đạt 16% so với dự toán giao.

3. Về thu chi dịch vụ, hoạt động tài chính và hoạt động khác:

3.1. Tổng thu trong năm: 7.607.546.689 đồng, cụ thể:

- Văn phòng Đăng ký đất đai: 7.371.347.813 đồng.

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 236.198.876 đồng.

3.2. Tổng chi trong năm: 3.977.561.615 đồng, gồm:

a) Chi phí trực tiếp: 3.977.561.615 đồng, cụ thể:

- Văn phòng Đăng ký đất đai: 3.288.753.087 đồng.

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên môi trường: 688.808.528 đồng.

b) Chi phí khấu hao TS - CCDC: 0 đồng.

3.3. Nộp thuế TNDN: 387.907.055 đồng, trong đó:

- Văn phòng Đăng ký đất đai: 387.907.055 đồng.

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên môi trường: 0 đồng.

3.4. Trích CCTL và trích lập các quỹ (3.4=3.1-3.2-3.3): 3.694.687.671 đồng, trong đó:

- Trích CCTL (Văn phòng Đăng ký đất đai): 36.735.263 đồng.

- Trích lập các quỹ (Văn phòng Đăng ký đất đai): 3.657.952.408 đồng
(= 3.694.687.671 đồng – 36.735.263 đồng).

3.5. Thâm hụt chuyên kỳ sau xử lý: 452.609.652 đồng (Trung tâm Quan trắc Tài nguyên môi trường).

IV.3. Chi tiết thực hiện dự toán ngân sách 04 đơn vị trực thuộc Sở

1. Văn phòng Sở:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 3.744.000 đồng.

Trong đó:

+ *Dự toán năm trước chuyển sang:* 3.744.000 đồng.

+ *Điều chỉnh giảm dự toán năm trước chuyển sang:* 0 đồng.

- Dự toán được giao trong năm: 33.870.800.000 đồng.

Trong đó:

+ *Dự toán giao đầu năm:* 33.826.000.000 đồng.

+ *Dự toán bổ sung trong năm:* 44.800.000 đồng.

+ *Dự toán điều chỉnh giảm trong năm:* 0 đồng.

- Kinh phí được sử dụng trong năm: 33.874.544.000 đồng.

- Kinh phí quyết toán: 2.102.143.151 đồng.

- Kinh phí phải nộp trả NSNN: 0 đồng.

- Kinh phí hủy: 31.772.400.849 đồng.

+ *Kinh phí tự chủ - chi QLNN:* 8.712.380.519 đồng.

+ *Kinh phí không tự chủ:* 23.060.020.330 đồng.

(Gồm: SN Môi trường: 5.688.638.020 đồng; SN Kinh tế khác: 15.150.910.000 đồng và KP QLHC: 2.220.472.310 đồng, trong đó: nguồn cân đối NST: 2.215.472.310 đồng và KP SN thực hiện CTMTQG Xây dựng NTM – nguồn NSTW: 5.000.000 đồng).

- Số dư KP chuyển sang năm sau: 0 đồng.

2. VP Đăng ký đất đai tỉnh

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.

- Dự toán được giao trong năm: 110.400.000 đồng.

Trong đó:

+ *Dự toán giao đầu năm:* 0 đồng.

+ *Dự toán bổ sung trong năm:* 110.400.000 đồng.

+ Dự toán điều chỉnh giảm trong năm:	0 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	110.400.000 đồng.
- Kinh phí quyết toán:	110.400.000 đồng.
- Kinh phí nộp trả NSNN:	0 đồng.
- Kinh phí hủy:	0 đồng.
- Số dư KP chuyển sang năm sau:	0 đồng.

3. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh

- Kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm:	3.083.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm:	3.075.000.000 đồng.
+ Dự toán bổ sung trong năm:	8.000.000 đồng.
+ Dự toán điều chỉnh giảm trong năm:	0 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	3.083.000.000 đồng.
- Kinh phí quyết toán:	282.146.150 đồng.
- Kinh phí nộp trả NSNN:	0 đồng.
- Kinh phí hủy:	2.800.853.850 đồng.

(Trong đó: Kinh phí tự chủ là 1.909.416.070 đồng và Kinh phí không tự chủ: 891.437.780 đồng)

- Số dư KP chuyển sang năm sau:	0 đồng.
---------------------------------	---------

4. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường

- Kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm:	10.767.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm:	10.755.000.000 đồng.
+ Dự toán bổ sung trong năm:	12.000.000 đồng.
+ Dự toán điều chỉnh giảm trong năm:	0 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	10.767.000.000 đồng.
- Kinh phí quyết toán:	0 đồng.
- Kinh phí nộp giảm chi năm 2025 hoàn trả NST:	0 đồng.
- Kinh phí hủy:	10.767.000.000 đồng.
- Số dư kinh phí chuyển sang năm sau:	0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

B. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ 02 tháng đầu năm 2025

I. Kết quả chênh lệch thu chi trong 02 tháng đầu năm 2025 của đơn vị là: 5.668.875.076 đồng, cụ thể:

1. Trung tâm Phát triển Quỹ đất: 21.300.000 đồng.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai: 5.769.906.364 đồng.
3. Văn phòng Sở: 330.278.364 đồng.
4. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường: (452.609.652) đồng.

II. Phân phối kết quả:

1. Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính, với tổng số tiền là: 351.578.364 đồng, trong đó:

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất: 21.300.000 đồng.
- Văn phòng Sở: 330.278.364 đồng.

2. Trích kinh phí cải cách tiền lương: 57.487.450 đồng, trong đó:

- Văn phòng Đăng ký đất đai (trích 1%): 57.487.450 đồng, gồm:
 - + Trích 1% nguồn thu phí được trích để lại: 20.752.187 đồng.
 - + Trích 1% nguồn thu dịch vụ được trích để lại: 36.735.263 đồng.
- Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường (trích 5%): 0 đồng.

3. Trích lập các quỹ: 5.712.418.914 đồng, cụ thể:

a) Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 3.699.317.412 đồng, trong đó:

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Tây Ninh: 0 đồng.
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh: 3.699.317.412 đồng.
- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 0 đồng.

b) Chi lập Quỹ phúc lợi: 512.213.179 đồng, trong đó:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh: 512.213.179 đồng.
- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 0 đồng.

c) Chi lập Quỹ khen thưởng: 56.912.575 đồng, trong đó:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh: 56.912.575 đồng.
- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 0 đồng.

d) Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 1.443.975.748 đồng, trong đó:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh: 1.443.975.748 đồng.
- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: 0 đồng.

4. Thâm hụt chuyển kỳ sau xử lý: 452.609.652 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm)

C. Nhận xét và kiến nghị

I. Nhận xét

1. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán:

Đơn vị gửi báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo quyết toán tổng hợp toàn ngành đúng thời gian quy định.

2. Về sổ sách kế toán:

Đơn vị đã lập các loại sổ theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính.

3. Về mẫu biểu và số liệu báo cáo:

Đơn vị lập đầy đủ biểu theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm và Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

4. Về thực hiện xét duyệt quyết toán đối với 04 đơn vị trực thuộc:

Về thời gian: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán đúng thời gian quy định.

Đối với số liệu xét duyệt quyết toán của 04 đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Thông báo xét duyệt quyết toán 02 tháng đầu năm 2025 của đơn vị, Sở Tài chính có một số nhận xét như sau:

a) Đối với Văn phòng Sở:

- Về thực hiện dự toán thu phí lệ phí 02 tháng đầu năm 2025: Sở Tài chính nhận thấy có phát sinh 02 khoản thu không có trong dự toán đầu năm nhưng không có Quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ), với tổng số thu phát sinh là 9.800.000 đồng, trong đó:

+ Phí thẩm định hồ sơ cấp GCNQSDĐ: 9.100.000 đồng.

+ Lệ phí cấp giấy Chứng nhận Quyền SDD, QSHD nhà, TS gắn liền với đất: 700.000 đồng.

b) Đối với Văn phòng Đăng ký đất đai:

+ Số liệu thu phí, lệ phí 02 tháng đầu năm không khớp số liệu theo Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Tài chính chấp nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị do căn cứ vào Tờ khai phí, lệ phí và các Ủy nhiệm chi nộp NSNN của đơn vị.

5. Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Về lập, phân bổ và giao dự toán: đơn vị có quyết định phân bổ giao dự toán trong năm đối với các đơn vị trực thuộc.

- Về mua sắm, sửa chữa, quản lý và sử dụng tài sản: đơn vị thực hiện quy trình mua sắm, sửa chữa theo quy định tại Luật đấu thầu; Nghị quyết số 59/2023/NQ-NĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Về thực hiện công khai ngân sách: đơn vị thực hiện công khai dự toán và quyết toán theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

6. Đơn vị hạch toán thu, chi cơ bản đúng mục lục ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đối với Văn phòng Sở có phát sinh nộp 02 loại phí, lệ phí chưa đúng mục lục ngân sách, cụ thể tại Ủy nhiệm chi số 006/KB-

UNC/250226_1031424_1911005 đơn vị thực hiện nộp NSNN đối với các khoản phí, lệ phí tháng 02/2025 do Văn phòng Sở thực hiện với tổng số tiền: 707.853.551 đồng, trong đó Văn phòng Sở nộp sai tiêu mục với tổng số tiền là 369.000.000 đồng, gồm:

- Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (Tiêu mục 2632), nhưng đơn vị thực hiện nộp vào thu NSNN với tiêu mục thu là 2631, số tiền: 350.000.000 đồng.

- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (TM 2853), đơn vị thực hiện nộp với thông tin “Lệ phí cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (mã chương 426, khoản 341, tiêu mục 2805), số tiền: 19.000.000 đồng.

7. Về chế độ chi tiêu: các đơn vị trực thuộc có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo chi theo quy chế. Trong 02 tháng đầu năm 2025, toàn ngành đã tiết kiệm chi tăng thu nhập, trích lập các quỹ theo quy định.

8. Về trích cải cách tiền lương:

- Khối Văn phòng Sở là đơn vị QLHCNN, không có các nguồn thu được để lại, nên không trích bổ sung nguồn CCTL của năm 2025.

- Đơn vị Trung tâm Phát triển quỹ đất là đơn vị sự nghiệp kinh tế do NSNN đảm bảo chi thường xuyên, không có các nguồn thu được để lại, nên không trích bổ sung nguồn CCTL của năm 2025.

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường là đơn vị tự chủ chi thường xuyên, năm 2025, đơn vị thực hiện trích 5% từ nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách tiền lương. Do đơn vị là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên nên được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và khi mức lương cơ sở tăng, trường hợp nguồn thu không đủ đảm bảo, đơn vị tự cân đối, ngân sách không bổ sung.

- Văn phòng Đăng ký đất đai là đơn vị tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên thực hiện trích 1% từ nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách tiền lương. Văn phòng Đăng ký đất đai đã xây dựng kế hoạch thực hiện trích lập và sử dụng nguồn cải cách tiền lương giai đoạn năm 2023-2025 tại Công văn số 3377/VPĐKĐĐ-HCTH ngày 19/10/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến thống nhất tại Công văn số 3731/STNMT-KHTC ngày 21/6/2024.

9. Về thực hiện nhiệm vụ thu phí, lệ phí: đơn vị thực hiện thu và nộp phí theo quy định. Trong 02 tháng đầu năm 2025, Văn phòng Sở có phát sinh 02 loại phí, lệ phí không có trong dự toán giao đầu năm nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường không ban hành Quyết định điều chỉnh dự toán thu, chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

10. Thực hiện nhiệm vụ thu dịch vụ hoạt động sự nghiệp: các đơn vị đã xây dựng quy chế thu, chi để thực hiện.

II. Kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ):

1. Phối hợp với Phòng Giao dịch số 10 – KBNN khu vực XVI và các đơn vị có liên quan thực hiện điều chỉnh mục lục ngân sách đối với khoản nộp phí, lệ phí 02 tháng đầu năm 2025 của Văn phòng Sở theo đúng quy định, với tổng số tiền: 369.000.000 đồng.

2. Tiếp tục **đôn đốc, nhắc nhở Trung tâm Nước sạch và Môi trường (Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường cũ) thực hiện thu hồi nộp hoàn trả ngân sách tỉnh năm 2025, số tiền: 541.906.119 đồng (=829.210.122 đồng – 287.304.003 đồng)**. Sau khi thực hiện xong có văn bản báo cáo và gửi kèm chứng từ nộp trả.

2. Đối với kinh phí đặt hàng nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường (*Nhiệm vụ quan trắc và vận hành các trạm quan trắc*) cho Trung tâm Nước sạch và Môi trường (Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường cũ): đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện đúng quy định tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4. Tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra, kiểm toán, cơ quan tài chính đối với các kiến nghị chưa thực hiện.

5. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở các đơn vị trực thuộc chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật về NSNN, về tài chính kế toán. Kịp thời báo cáo các vướng mắc phát sinh trong quá trình quản lý tài chính.

Đề nghị đơn vị thực hiện kiến nghị của Sở Tài chính chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày ra Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025.

Sở Tài chính thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường cũ) biết, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh;
 - Phòng Giao dịch số 10 – KBNN khu vực XVI;
 - Lãnh đạo STC;
 - Lưu: VT, HCSN&CS.
- Nam – Pho: 05b

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**